

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT HIỆP BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/QĐ-THPTHB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Hiệp Bình

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022;

Xét đề nghị của Kế toán Trường THPT Hiệp Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Hiệp Bình (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị, Kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Ngọc Anh

Đơn vị: Trường THPT HIỆP BÌNH

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 (LÀN 1)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THPTHB ngày /01/2022 của Trường THPT Hiệp Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đv tính: ngàn đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu,chi, nộp ngân sách, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1,1	Lệ phí	
1,2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2,1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2,2	Chi quản lý hành chính	
a.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b.	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3,1	Lệ phí	
3,2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.611.473
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.611.473
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>	
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>	
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	<i>Chi Chương trình mục tiêu</i>	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Ngày 19 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Ngọc Anh